TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **48**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Hùng Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Khuyến
2. Ông Tạ Văn Khách

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Ngọc Phú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Giáp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số 140/2021/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 21/2021/QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2021 và Thông báo số 02/2021/TB-TA ngày 10 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị U, sinh năm: 1983; Trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước;

- Bị đơn: Anh Lâm Ngọc D, sinh năm 1982; Trú tại: Tổ dân phố 3, phường A, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa.

(Nguyên đơn chị U và bị đơn anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân : Chị Trương Thị U và ông Lâm Ngọc D, sinh năm: 1982, đã tự nguyện tìm hiểu và chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Riềng, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước) vào ngày 10/11/2006, theo giấy chứng nhận kết hôn số 40/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị U anh D chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vì trong cuộc sống có nhiều bất đồng quan điểm nên dẫn đến thường xuyên cãi vã, xung đột kéo dài. Do đó tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2011 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc và thường xuyên liên lạc mà ai có cuộc sống riêng của người đó, kinh tế hoàn toàn độc lập. Nay chị Trương Thị U xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẩn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chị Trương Thị U khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Ngọc D. Quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị U vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Lâm Ngọc D.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung : Trong thời gian chung sống vợ chồng chị U anh D có 01 người con chung là cháu Lâm Ngọc Thảo L, sinh ngày: 14/02/2008. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẩn, sống ly thân đến nay cháu Lâm Ngọc Thảo L do chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Vì vậy khi Tòa án giải quyết việc ly hôn, nguyên đơn chị U yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết giao cho chị U được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng conn chung cho đến khi cháu L trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về phần cấp dưỡng: Nguyên đơn chị Trương Thị U không yêu cầu anh Lâm Ngọc D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung : Trong thời gian chung sống vợ chồng, chị U và anh D không có tài sản chung nên khi ly hôn, nguyên đơn chị Trương Thị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Trong thời gian chung sống vợ chồng, chị U và anh D không nợ ai và cũng không cho ai nợ nên khi ly hôn, nguyên đơn chị Trương Thị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lâm Ngọc D tại bản tự khai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Ngọc D thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn chị Trương Thị U về điều kiện, thủ tục kết hôn, thời gian chung sống vợ

chồng cũng như mâu thuẩn vợ chồng , thời gian sống ly thân theo như trình bày của nguyên đơn chị Trương Thị U. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vì trong cuộc sống vợ chồng tình tình không hợp nên có nhiều bất đồng quan điểm nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẩn kéo dài làm cho tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 12/2011 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc và thường xuyên liên lạc mà ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay bị đơn anh Lâm Ngọc D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẩn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Trương Thị U yêu cầu ly hôn anh D đồng ý thuận tình ly hôn với chị Trương Thị U.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung : Anh D thống nhất theo trình bày của nguyên đơn chị D, vợ chồng có 01 người con chung là Lâm Ngọc Thảo L, sinh ngày: 14/02/2008. Từ khi vợ chồng chúng tôi sống ly thân đến nay cháu Lâm Ngọc Thảo L do chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu. Nay chị U yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đối với con chung là cháu là Lâm Ngọc Thảo L. Anh D chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn chị U. Đồng ý giao cháu Lâm Ngọc Thảo L cho chị U được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Linh cho đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung : Anh D thống nhất với trình bày của nguyên đơn chị U. Vợ chồng không có tài sản chung nên anh D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh D thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn. Vợ chồng không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị U và bị đơn anh Lâm Ngọc D đã được tống đạt triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt có lý do (nguyên đơn và bị đơn có đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt). Căn cứ khoản 1 Điều 227; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên gia tòa, không có ý kiến gì về phần tố tụng. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị U.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Trương Thị U, có địa chỉ cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Ngọc D. Anh D, chị U có văn bản thống nhất lựa chọn Tòa án ; cư trú tại: Thôn 3, xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

[2]. Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị U, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai thống nhất của các đương sự và chứng cứ là giấy chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 40/2006 ngày 10/11/2006 của Ủy ban nhân dân xã Phú Riềng, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước (nay là xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước). Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định: Chị Trương Thị U và anh Lâm Ngọc D đã tự nguyện tìm hiểu và chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Riềng vào năm 2006. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ vợ chồng được xác lập giữ chị U và anh D là hôn nhân hợp pháp. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị U và anh D thấy rằng: Quá trình Tòa án thụ lý vụ án các đương sự thống nhất thừa nhận: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị U anh D chỉ chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vì trong cuộc sống vợ chồng tình tình không hợp nên có nhiều bất đồng quan điểm nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn kéo dài làm cho tình cảm vợ chồng không còn, nên đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2011 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc và thường xuyên liên lạc mà ai có cuộc sống riêng của người đó, kinh tế độc lập. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị U và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, thời

gian sống ly thân đã kéo dài, nguyên đơn chị U và bị đơn anh D đồng ý thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn của nguyên đơn chị Trương Thị U và bị đơn anh Lâm Ngọc D.

Về con chung: Nguyên đơn chị U và bị đơn anh D thống nhất trình bày, trong thời gian chung sống vợ chồng, anh chị có 01 con chung là cháu là Lâm Ngọc Thảo Linh, sinh ngày: 14/02/2008. Từ khi vợ chồng chị U anh D sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay cháu Lâm Ngọc Thảo Linh do chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu. Việc chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục của của chị U đảm bảo sự phát triển đầy đủ toàn diện về thể chất, tin thần của cháu Linh. Nay chị U yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đối với con chung là cháu là Lâm Ngọc Thảo Linh. Bị đơn anh D cũng đồng ý giao cháu Linh cho chị U được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự. Giao con chung là cháu Lâm Ngọc Thảo Linh, sinh ngày: 14/02/2008 cho chị U được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Nguyên đơn chị Trương Thị U không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không có tài sản chung và không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự thống nhất không có tài sản chung và không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về các vấn đề cần giải quyết của vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị Trương Thị U phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83,84 Luật Hôn nhân gia đình;

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị U.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của nguyên đơn chị Trương Thị U và bị đơn anh Lâm Ngọc D.

[2]. Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự. Giao con chung là cháu Lâm Ngọc Thảo Linh, sinh ngày: 14/02/2008 cho chị Trương Thị U được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Linh thành niên, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Hội đồng xét xử không giải quyết.

Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ và con chung được thực hiện theo các quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. Về tài sản: Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4]. Về nợ: Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị U phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012261 ngày 17/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

[6]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Phú Riềng;
- CCTHA huyện Phú Riềng;
- UBND xã Phú Riềng;
- UBND phường Hải An
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Hùng Dũng